

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 quy định về quỹ tín dụng nhân dân (sau đây gọi là Thông tư số 04/2015/TT-NHNN).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN**

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 Điều 11 như sau:

“b) Sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu đối với thành viên là cá nhân; sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu của người đại diện hộ gia đình đối với thành viên là hộ gia đình; mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương và sổ thẻ Căn cước công dân hoặc sổ Chứng minh nhân dân hoặc sổ Hộ chiếu của người đại diện phần vốn góp đối với thành viên là pháp nhân;”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 11 như sau:

“7. Giấy xác nhận nơi công tác, bản sao quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng làm việc của cơ quan, đơn vị tuyển dụng đối với thành viên góp vốn là cán bộ, công chức, viên chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 11 như sau:

“9. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập hoặc giấy tờ khác có giá trị tương đương (đối với thành viên là pháp nhân).”

4. Bổ sung khoản 1a Điều 12 như sau:

“1a. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khai thác các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi xem xét, thẩm định thông tin về cư trú. Trong trường hợp không khai thác được các thông tin cần thiết trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có quyền yêu cầu Ban trụ bị cung cấp bản sao một trong các giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú theo quy định của pháp luật về khai thác, sử dụng thông tin về cư trú để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.”.

**Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 04/2015/TT-NHNN**

1. Thay thế cụm từ “đăng ký kinh doanh” tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 15, Phụ lục số 01, Phụ lục số 07 bằng cụm từ “đăng ký hợp tác xã”.

2. Thay thế cụm từ “Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” tại Phụ lục số 06 bằng cụm từ “Mã số doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập hoặc số giấy tờ khác có giá trị tương đương”.

3. Thay thế Phụ lục số 02A, Phụ lục số 02B, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 bằng Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03, Phụ lục số 04, Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bãi bỏ điểm b khoản 5 và khoản 8 Điều 11.

**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Quỹ tín dụng nhân dân đã thành lập và hoạt động theo Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không phải xin cấp lại Giấy phép theo quy định tại Thông tư này.

3. Số góp vốn đã được quỹ tín dụng nhân dân cấp cho thành viên trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng hoặc đổi mới khi thành viên có yêu cầu.